

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09/11/2020

V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu An

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Sang

2. Ông Nguyễn Ngọc Giang

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Văn Cum Anh, là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa:
ông Lưu Minh Cường, Kiểm sát viên sơ cấp

Ngày 09 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp Ly hôn, nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 81/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Hồ Văn T, sinh năm 1983

Cư trú tại: ấp N1, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ - Có mặt.

Bị đơn: bà Lê Thị Bé Th, sinh năm 1985

Nơi cư trú: ấp N1, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn – ông Hồ Văn T trình bày: ông T và bà Lê Thị Bé Th tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M vào ngày 07/6/2004. Ông bà có thời gian chung sống hạnh phúc và có được 01 con chung là Hồ Thị Mỹ T (nữ) sinh ngày 19/01/2005 nhưng do tính chất công việc của ông T nên ông phải thường xuyên xa nhà, vì vậy mà giữa ông và bà Th thiếu sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, bà Th đã bỏ nhà đi từ năm 2011 cho đến nay. Nay ông T yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị Bé Th và yêu

cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con. Ông T và bà Th không có tài sản chung và nợ chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Tòa án thụ lý vụ kiện là đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Hồ Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Hồ Văn T và bà Lê Thị Bé Th xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M vào ngày 07/6/2004 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 76/HT, quyền số 01/2004, do đó, hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Nay một bên yêu cầu được ly hôn, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

[2] Trước khi nộp đơn khởi kiện ly hôn, ông Hồ Văn T đã yêu cầu và được Tòa án nhân dân huyện P giải quyết yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bà Lê Thị Bé Th tại quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 07/2019/QĐDS – ST ngày 31/10/2019. Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bà Lê Thị Bé Th đã được đăng trên báo hàng ngày của báo Lao Động, cụ thể là các số 31(11489) ngày 12/02/2020, số 32 (11490) ngày 13/02/2020, số 33 (11491) ngày 14/02/2020 và được phát trên sóng Trung Tâm truyền hình Việt Nam tại thành phố Cần Thơ trong các ngày 09/12/2019, 10/12/2019 và 11/12/2019. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà Lê Thị Bé Th không đến tham dự các phiên hòa giải vào các ngày 07/8/2020 và 29/9/2020 nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã đưa vụ kiện ra xét xử ngày 20/10/2020 nhưng bị đơn vắng mặt, tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn vắng mặt, vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Giữa ông Hồ Văn T và bà Lê Thị Bé Th tự nguyện tìm hiểu, xây dựng quan hệ hôn nhân, có thời gian chung sống hạnh phúc và có con chung nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do giữa vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, bà Th đã bỏ nhà đi, giữa ông T và bà Th cũng không còn chung sống với nhau từ năm 2011 cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay, ông T vẫn cương quyết ly hôn mặc dù không ghi nhận được ý kiến của bị đơn là bà Th nhưng việc bà Th bỏ nhà đi, nhiều năm không liên lạc với ông T, cho thấy bà Th không còn tha thiết duy trì mối quan hệ hôn nhân với ông T. Xét thấy, mâu thuẫn của ông bà trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Hồ Văn T là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: ông T và bà Th có 01 con chung là cháu Hồ Thị Mỹ T (nữ) sinh ngày 19/01/2005, ông T có yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Tuy không ghi nhận được ý kiến của bị đơn về vấn đề nuôi dưỡng con chung chưa thành niên khi ly hôn nhưng hiện cháu T đang sinh sống ổn định bên ông T. Do vậy, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho cháu, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu T cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu là được tiếp tục sống chung với cha. Vấn đề cấp dưỡng, do ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn trình bày không có và chưa ghi nhận được ý kiến của bị đơn, do đó, Hội đồng xét xử thống nhất tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu của đương sự.

[5] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Hồ Văn T đối với bà Lê Thị Bé Th.

- *Về con chung*: giao cháu Hồ Thị Mỹ T (nữ) sinh ngày 19/01/2005 cho ông Hồ Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà Lê Thị Bé Th, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu của đương sự

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: ông T nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số 017542 ngày 21/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P ;
- THA H. P;
- UBND xã M;
- Lưu HS (2b).

Nguyễn Thị Thu An